TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-4-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Tuyết Nhung; Bà Bùi Thu Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Triều - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công không tham gia phiên toà.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST- HNGD ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1987; (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Hoàng N, sinh năm 1985; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trình bày: Chị và anh Đỗ Hoàng N tiến đến hôn nhân do tìm hiểu khoảng 06 tháng. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G ngày 22/11/2017. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 07/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N cá độ đá banh, đánh số đề, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cải. Chị và anh N đã sống ly thân và không còn liên lạc từ tháng 7/2018 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị và anh N không có con chung.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Anh Đỗ Hoàng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị T, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Anh Đỗ Hoàng N đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Hoàng N có nơi cư trú ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh Đỗ Hoàng N đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng anh N vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Đỗ Hoàng N là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh N kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị Phan Thị Thu T và anh Đỗ Hoàng N sống chung vào năm 2017 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 07/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N cá độ đá banh, đánh số đề, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cự cải. Chị T và anh N đã sống ly thân và không còn liên lạc từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, anh N đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị T, nhưng anh N không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của anh N đối với chị T đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử có động viên, giải thích pháp luật nhưng chị T vẫn yêu cầu xin được ly hôn với anh N. Xét thấy hôn nhân của chị T và anh N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T xin ly hôn anh N là phù hợp với qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Chị T xác định vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Chị T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng

cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và anh N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phan Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thu T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu T được ly hôn với anh Đỗ Hoàng N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Phan Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 42876 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TX. Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự TX. Gò Công;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Các đương sự;
- Lưu án ăn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy